

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thìn

Ông Thạch Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, Việt Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Theo Thông báo thụ lý vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021; Thông báo số 86/TB-TA ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc Thông báo cho bị đơn đang cư trú tại nước ngoài về việc giải quyết vụ án ly hôn và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐHST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, Việt Nam, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1991. Quốc tịch: Việt Nam. Địa chỉ thường trú: Tổ 8, ấp Thanh Hòa, xã T.L, thị xã B.L, tỉnh B, Việt Nam. “Có mặt”

- *Bị đơn:* Chị LANCASTER M.A N, sinh năm 1999; Địa chỉ: số 3106 Dogwood Trail Rowlett TX 75088, USA (Hoa Kỳ). “Vắng mặt”

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 02 tháng 3 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1991 (quốc tịch: Việt Nam) và chị LANCASTER M.A N, sinh năm 1999 (quốc tịch: Hoa Kỳ) sau hơn 01 năm tìm hiểu nhau thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã B.L, tỉnh B, Việt Nam vào ngày 18/7/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2017. Sau khi kết hôn, giữa anh Thịnh và chị LANCASTER M.A N xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, có nhiều quan điểm khác nhau không thể giải quyết hoà hợp được. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên từ đầu tháng 01/2018 chị LANCASTER M.A N về lại nước Mỹ sinh sống và làm việc, đến nay không còn liên lạc với tôi. Giữa vợ chồng không còn liên hệ, không cùng chia sẻ, gánh vác trách nhiệm xây dựng gia đình, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hoà giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người có cuộc sống riêng nên anh Th đề nghị được ly hôn với chị LANCASTER M.A N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh Nguyễn Xuân Th và chị LANCASTER M.A N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị LANCASTER M.A N: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh B, Việt Nam đã thực hiện ủy thác tư pháp hồ sơ dân sự đến cơ quan có thẩm quyền theo Công văn số 41/TTTPDS-TA10 ngày 05/5/2021 để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn chị LANCASTER M.A N theo địa chỉ tại Hoa Kỳ được nguyên đơn cung cấp cũng như địa chỉ có tại hồ sơ đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ngày 10/11/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B nhận được Công văn số 3176/BTP-PLQT ngày 28/10/2021 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp cho bị đơn chị LANCASTER M.A N tại Hoa Kỳ, theo đó không thực hiện được ủy thác tư pháp hồ sơ do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Theo yêu cầu của nguyên đơn anh Th, Tòa án nhân dân tỉnh B tiếp tục thực hiện thủ tục đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đăng Thông báo cho bị đơn đang cư trú tại nước ngoài về việc thông báo giải quyết vụ án ly hôn trên Cổng thông tin điện tử Đại sứ quán và Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân. Theo định vị thư gửi xác định Bưu cục đã phát thành công Thông báo nêu trên cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ vào ngày 06/12/2021 nhưng Tòa án chưa nhận được phản hồi về kết quả đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử, cũng như không nhận được tài liệu giấy tờ từ bị đơn chị LANCASTER M.A N gửi đến Tòa án phản hồi về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị LANCASTER M.A N.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Việt Nam:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập địa chỉ hợp lệ của bị đơn qua hồ sơ đăng ký kết hôn, nhưng việc ủy thác không thực hiện được. Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành gửi Thông báo cho bị đơn về việc giải quyết vụ án ly hôn bằng phương thức đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án đồng thời niêm yết công khai và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại Sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại các Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Xuân Th được ly hôn với chị LANCASTER M.A N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các chi phí tố tụng khác về ủy thác tư pháp và đăng thông tin vụ án, kết quả giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử, kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Xuân Th, quốc tịch: Việt Nam có địa chỉ thường trú tại ấp Thanh Hòa, xã T.L, thị xã B.L, tỉnh B, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị LANCASTER M.A N, quốc tịch: Hoa Kỳ, địa chỉ cư trú: số 3106 Dogwood Trail Rowlett TX 75088, Hoa Kỳ nên đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị LANCASTER M.A N đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án thông qua địa chỉ: số 3106 Dogwood Trail Rowlett TX 75088, USA (Hoa Kỳ) là địa chỉ đã được đăng ký tại hồ sơ đăng ký kết hôn nhưng không thể tổng đạt được do: Không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Theo nguyên đơn anh Th trình bày thì do thời gian đã lâu anh, chị không còn liên lạc với nhau nên ngoài địa chỉ có trong hồ sơ đăng ký kết hôn anh Th không còn biết bất kỳ địa chỉ nào khác hiện nay của chị LANCASTER M.A N tại Hoa Kỳ, đồng thời do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên chị LANCASTER M.A N đã chuyển sinh sống ở đâu, làm gì anh Th không thể biết được, không tìm hiểu được và chị LANCASTER M.A N cũng không có người thân nào ở tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh B tiếp tục thực hiện thủ tục đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đăng thông báo cho bị đơn đang cư trú tại nước ngoài về việc thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn” trên Cổng thông tin điện tử Đại sứ quán và Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân. Mặc dù đến nay Tòa án nhân dân tỉnh B chưa nhận được phản hồi về kết quả đăng thông tin trên

Công thông tin điện tử, cũng như không nhận được tài liệu giấy tờ từ bị đơn chị LANCASTER M.A N gửi đến Tòa án phản hồi về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Th nhưng theo định vị thư gửi xác định Bureau đã phát thành công Thông báo nêu trên cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ vào ngày 06/12/2021. Đồng thời, Tòa án đã đăng thông báo trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh B, Việt Nam (theo biên bản xác nhận số 02/BBXN ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B). Đã hết thời hạn thông báo trên, Tòa án vẫn không nhận được bất kỳ ý kiến, tài liệu phản hồi của bị đơn chị LANCASTER M.A N.

Căn cứ Điều 227, Điều 474, khoản 6 Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vụ án và hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 11/3/2022. Do đó, tại phiên tòa mở lần thứ hai hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị LANCASTER M.A N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Th và chị LANCASTER M.A N tự nguyện tìm hiểu nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã B.L, tỉnh B, Việt Nam theo Giấy đăng ký kết hôn số 06/2017 ngày 18/7/2017 là đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa anh Th và chị LANCASTER M.A N chung sống với nhau một thời gian ngắn nhưng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, chị LANCASTER M.A N đã trở về Hoa Kỳ sinh sống. Hiện nay, hoàn cảnh sống cách xa nhau, theo đó anh Th vẫn sinh sống tại Việt Nam, không muốn định cư tại Hoa Kỳ; còn chị LANCASTER M.A N sinh sống tại Hoa Kỳ không muốn về Việt Nam định cư. Xét khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân đã gần 05 năm, mỗi người có cuộc sống riêng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà không hoà giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, và không thống nhất được nơi chốn vợ chồng cùng nhau sinh sống. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị LANCASTER M.A N là có cơ sở cần được chấp nhận.

Căn cứ các Điều 56, Điều 123, 125, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh Nguyễn Xuân Th được ly hôn với chị LANCASTER M.A N.

[4] Về con chung: Theo trình bày của anh Th, trong quá trình chung sống giữa anh Th và chị LANCASTER M.A N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo trình bày của nguyên đơn anh Th, giữa anh Th với chị LANCASTER M.A N không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[6] Án phí: Nguyên đơn anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Th tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Việt Nam tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 147; các Điều 227, 228, 266, 271, 464, 470, 474, 477, 478 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 122, 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th. Xử cho anh Nguyễn Xuân Th (Quốc tịch: Việt Nam) được ly hôn với chị LANCASTER M.A N (Quốc tịch: Hoa Kỳ).

2. *Về con chung:* Ghi nhận việc nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th xác định không có con chung với chị LANCASTER M.A N, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận việc nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th xác định giữa anh Th với chị LANCASTER M.A N không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 015397, quyển số 0308 ngày 01/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B, Việt Nam.

5. *Chi phí uỷ thác tư pháp:* Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) chi phí uỷ thác tư pháp hồ sơ dân sự về thủ tục tố tụng ra nước ngoài, được trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 015399, quyển số 0308 ngày 24/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B, Việt Nam.

6. *Các chi phí tố tụng khác:* Đối với tất cả các loại chi phí thực tế cho việc thực hiện thủ tục hồ sơ uỷ thác tư pháp; yêu cầu đăng thông tin vụ án trên các Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền, đăng thông tin trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam: Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Th tự nguyện chịu, không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

7. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B, Việt Nam;
- Cục THADS tỉnh B, Việt Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh B, Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân thị xã B.L, tỉnh B, Việt Nam.
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Phòng KTNV, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư